

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7,299,492,780	7,299,492,780	1,294,928,639	1,294,928,639	17.74	17.74
I	Các khoản thu 100%	149,000,000	149,000,000	37,927,100	37,927,100	25.45	25.45
1	Phí, lệ phí	24,000,000	24,000,000	5,595,500	5,595,500	23.31	23.31
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85,000,000	85,000,000	29,740,000	29,740,000	34.99	34.99
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			2,500,000	2,500,000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40,000,000	40,000,000	91,600	91,600	0.23	0.23
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2,449,000,000	2,449,000,000	357,001,539	357,001,539	14.58	14.58
1	Các khoản thu phân chia	241,000,000	241,000,000	249,530,326	249,530,326	103.54	103.54
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100,000,000	100,000,000	153,421,200	153,421,200	153.42	153.42
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21,000,000	21,000,000	3,317,837	3,317,837	15.8	15.8
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	120,000,000	120,000,000	92,791,289	92,791,289	77.33	77.33
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2,208,000,000	2,208,000,000	107,471,213	107,471,213	4.87	4.87
21	Thu tiền sử dụng đất	2,000,000,000	2,000,000,000				
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	120,000,000	120,000,000	64,338,109	64,338,109	53.62	53.62
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	88,000,000	88,000,000	43,133,104	43,133,104	49.01	49.01
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	569,489,780	569,489,780				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,132,003,000	4,132,003,000	900,000,000	900,000,000	21.78	21.78
1	Thu bổ sung cân đối	3,950,000,000	3,950,000,000	900,000,000	900,000,000	22.78	22.78
2	Thu bổ sung có mục tiêu	182,003,000	182,003,000				